



Tinh thần nhập thể trong phim điện ảnh tân tạo “Em là bà nội của Anh”

ISSN: 2734-9195

10:30 14/11/2025

Tinh thần nhập thể của đạo Phật với cốt lõi là từ bi, vô ngã, duyên sinh không chỉ hiện diện trong lịch sử đồng hành cùng dân tộc mà còn tiếp tục được phát huy trong các hình thái nghệ thuật mới như điện ảnh.

Tác giả: **Đạo diễn, ThS. Phạm Thuận Hải Thảo**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, dòng phim tân tạo tại Việt Nam không chỉ sao chép nội dung mà còn cho thấy khả năng bản địa hóa các giá trị tinh thần và văn hóa. *Em là bà nội của anh* (2015), chuyển thể từ phim Hàn Quốc *Miss Granny*, là một ví dụ tiêu biểu cho việc chuyển tải tư tưởng Phật giáo trong đời sống hiện đại. Hành trình hồi xuân và hy sinh của nhân vật bà Đại được thể hiện như một quá trình chuyển hóa bản ngã, biểu hiện sống động của tinh thần từ bi, vô ngã và nhân duyên.

Thông qua hình thức kể chuyện điện ảnh gần gũi, bộ phim góp phần đưa triết lý nhập thể của Đạo Phật đến với đại chúng một cách giản dị và cảm xúc.

Nội dung

1. Tinh thần Phật giáo trong đời sống Việt và trong phim điện ảnh *Em là bà nội của anh*

1.1 Phật giáo trong đời sống Việt nhập thể và dân gian hóa tinh thần từ bi

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, ngay từ những thế kỷ đầu Công nguyên, và nhanh chóng hòa quyện với tín ngưỡng bản địa để tạo thành một dòng Phật giáo đặc thù: gắn bó với đời sống, dẫn thân vào thế tục, thay vì chủ trương thoát ly. Đây là hình thái Phật giáo nhập thế, nơi tinh thần từ bi, vô ngã và cứu khổ cứu nạn không chỉ là những giáo lý siêu hình mà được biểu hiện qua hành động thực tiễn trong đời thường.



Hình minh họa tạo bởi AI

Theo Strong (2023), khi đức Phật giảng dạy tại Ba La Nại, Ngài đã khuyến cáo tránh xa hai cực đoan: “một là sự đắm chìm trong các thú vui giác quan... thứ hai là sự đắm chìm trong khổ hạnh” (tr. 118). Câu nói này không chỉ là định hướng đạo hạnh, mà còn mang ý nghĩa thực tiễn trong đời sống: Phật giáo không cổ vũ lánh đời, mà khuyến khích con người sống tỉnh thức và quân bình trong chính cuộc sống thế tục. Từ bi và trí tuệ không đối lập với hành động, mà được phát huy trong từng hành động cụ thể để giảm trừ khổ đau.

Tinh thần ấy đã thấm thấu vào nền văn hóa Việt, đặc biệt là hình tượng người mẹ, người bà, vốn là biểu tượng của lòng hy sinh, bao dung và hóa giải. Trong dòng chảy điện ảnh đại chúng hiện nay, những hình tượng ấy không còn đơn thuần gắn với biểu tượng tôn giáo rõ rệt (như chùa chiền hay y áo tăng ni), mà được chuyển hóa thành những hình ảnh dân gian đời thường, dễ cảm nhận và gần gũi với khán giả đương đại. Đây cũng là cách mà điện ảnh Việt Nam thực hiện một cuộc dân gian hóa Phật giáo, làm cho giáo lý đạo Phật thấm đẫm vào tâm thức cộng đồng mà không cần lên gân hình thức tôn giáo.

Lee (2023) trong công trình *Tham vấn tâm lý trên nền tảng Phật giáo* cho rằng, hành đạo nhập thế không làm mất đi mục tiêu giải thoát, mà là một phương

cách để hiểu rõ tâm thiện và tâm bất thiện. Ông viết: “đau khổ là sản phẩm của những hành vi bất thiện trong ý thức và tiềm thức”, ngược lại, “tâm thiện là đề cập đến một hành động hoặc một quyết định có thể giảm bớt đau khổ” (tr. 95). Đây là nền tảng đạo lý trong mối liên hệ giữa cá nhân, cộng đồng và xã hội mà Phật giáo hướng tới.

Trong bối cảnh đó, **điện ảnh tân tạo Việt Nam**, tiêu biểu như *Em là bà nội của anh* (2015) đã tiếp thu và bản địa hóa tinh thần Phật giáo một cách khéo léo. Nhân vật bà Đại không phải là một Phật tử theo hình thức, mà là hiện thân sống động của tinh thần nhập thế Phật giáo: sống trọn vẹn, vị tha, buông bỏ bản ngã để cứu người khác. Hành trình hồi xuân của bà không chỉ là phép nhiệm màu điện ảnh, mà là ẩn dụ cho quá trình “tái sinh trong tâm thức”, nơi con người có cơ hội nhận ra giá trị của yêu thương, hiểu lầm và sự tha thứ.

1.2 Điện ảnh tân tạo và tinh thần Phật giáo nhập thế: Trường hợp *Em là bà nội của anh*

Điện ảnh tân tạo, với vai trò là một hình thức kể chuyện đại chúng xuyên văn hóa, cho phép những giá trị tôn giáo và đạo lý dân tộc được tái diễn giải trong bối cảnh hiện đại. *Em là bà nội của anh* (2015), bản Việt hóa từ phim Hàn *Miss Granny*, không chỉ là một sản phẩm giải trí thành công mà còn là một ví dụ điển hình cho việc lồng ghép tinh thần Phật giáo bản địa vào một kịch bản toàn cầu, thông qua các tình huống nhân sinh cụ thể mang tính cảm xúc, thay vì giáo lý trừu tượng.



(Ảnh: Internet)

Cốt truyện xoay quanh bà Đại, một phụ nữ lớn tuổi được ban cho cơ hội trở lại thời thanh xuân. Sự “trở lại” này không chỉ là một phép nhiệm màu, mà là khởi đầu cho một chuỗi lựa chọn đạo đức mang tính chất chuyển hóa bản ngã. Đứng trước khả năng được sống cho chính mình lần nữa, bà trải qua những giằng xé giữa đam mê cá nhân và trách nhiệm gia đình.

Cao trào cảm xúc của phim không nằm ở các nút thắt kịch tính, mà ở những khoảnh khắc đạo lý âm thầm, như khi bà lặng lẽ hiến máu để cứu cháu trai.

Một hành động mà cô phải đánh đổi cơ thể thanh xuân, đồng nghĩa với việc từ bỏ cuộc sống mới để trở về với hình hài già yếu, đây là một lựa chọn buông xả, đầy yêu thương nhưng không vị kỷ.

Chính những lựa chọn ấy thể hiện rõ nhất tinh thần từ bi và vô ngã trong Phật giáo, không thông qua thuyết giảng, mà qua hành động cụ thể. Như Thích Nhất Hạnh và Thích Huyền Quang từng viết: “Không có sự vật nào có thể tự mình sinh ra mà không tùy thuộc vào các duyên khác” (2020, tr. 35). Nhân vật bà Đại là minh họa sinh động cho nguyên lý ấy: bà tồn tại như một mắt xích trong mạng lưới nhân duyên và sống cho người khác chính là cách sống trọn vẹn cho chính mình.

Việc đặt các tình huống đạo đức vào khung cảnh hiện đại đã giúp bộ phim đạt được hiệu ứng kép: vừa bản địa hóa mô hình văn hóa nước ngoài, vừa làm nổi bật khả năng tiếp biến Phật giáo vào **đời sống tinh thần đại chúng**. Nhờ vậy, tinh thần nhập thế với cốt lõi là yêu thương, không chấp ngã, thấu hiểu nhân duyên đã hiện diện trong phim không như một lớp nghĩa triết học, mà như hành vi sống thường ngày, giàu cảm xúc, đầy tính người.

2. Những biểu tượng Phật giáo trong phim

2.1 Tiệm ảnh kỳ ảo: Biểu tượng của bardo và cơ hội chuyển hóa

Trong *Em là bà nội của anh*, tiệm ảnh cũ kỹ nơi bà Đại bước vào để chụp chân dung và bước ra trong hình hài một cô gái trẻ thập niên 1990 không chỉ là bước ngoặt kịch tính khởi đầu câu chuyện, mà còn mang ý nghĩa sâu xa như một biểu tượng điện ảnh giàu tính Phật giáo. Dưới ánh sáng của truyền thống Phật giáo Tây Tạng, không gian tiệm ảnh này có thể được hiểu như một hình ảnh ẩn dụ cho bardo, tức trung ấm, khoảng chuyển tiếp giữa hai trạng thái hiện hữu.



Hình mang tính minh họa

Trong *The Tibetan Book of the Dead: The Great Liberation Through Hearing in the Bardo*, bardo không chỉ được hiểu như một trạng thái giữa cái chết và sự tái sinh, mà còn là những khoảng lặng trong chính đời sống hiện tại. Tác phẩm viết: “Bardo có nghĩa là khoảng cách, nó không chỉ là khoảng thời gian tạm ngưng sau khi chết mà còn là sự tạm ngưng trong hoàn cảnh sống. Cái chết cũng xảy ra trong hoàn cảnh sống. Trải nghiệm bardo là một phần trong cấu trúc tâm lý cơ bản” (1975, tr. 1).

Theo đó, bardo không chỉ là ranh giới giữa sống và chết, mà là mọi khoảnh khắc chuyển giao, nơi tâm thức thoát khỏi những ràng buộc cũ nhưng chưa bước vào hình thức hiện hữu mới. Trong phim, chính khi bà Đại bước vào tiệm ảnh, không gian mang chất hoài niệm, ánh sáng mờ ảo và không khí siêu thực là lúc bà bước vào “trung giới” ấy. Bà không chết, nhưng cũng không còn sống như trước. Thân xác mới chỉ là lớp vỏ tạm thời cho một tâm thức chưa hoàn toàn chuyển hóa.

Điều đáng nói là, phép màu trở lại không phải là phần thưởng, mà là bài kiểm nghiệm nội tâm. Bardo, theo giáo lý Tây Tạng, là “thời khắc vàng” nếu người hành giả biết tỉnh thức, họ có thể giác ngộ và giải thoát khỏi chuỗi tái sinh. Tương tự, trong phim, nhân vật bà Đại có cơ hội sống lại tuổi trẻ để nhìn lại những gì đã qua, đối diện với những bám chấp, sai lầm và cuối cùng lựa chọn buông bỏ. Nếu không có sự tỉnh thức đó, việc trở lại chỉ là một vòng lặp vô minh khác.

Vì vậy, tiệm ảnh trong phim không chỉ là nơi mở đầu câu chuyện, mà là cánh cửa trung ấm, nơi diễn ra sự phơi sáng tâm thức. Đó là điểm giữa sống và sống

lại, giữa bản ngã cũ và cái tôi mới. Hành trình tiếp theo của bà từ đắm mình trong ánh hào quang tuổi trẻ đến việc âm thầm hiến máu cứu cháu chính là quá trình chuyển hóa nội tâm đầy tính Phật giáo: từ bám chấp đến vô ngã, từ khổ đau đến từ bi.

2.2 Dòng máu như biểu tượng duyên khởi và nghiệp cảm

Một trong những khoảnh khắc cảm động và giàu tính Phật giáo nhất trong *Em là bà nội của anh* là khi bà Đại trong hình hài trẻ trung lựa chọn hiến máu để cứu sống cháu trai. Hành động này không chỉ mang giá trị sinh học của “cho máu là cho sự sống”, mà còn là **đỉnh điểm chuyển hóa tâm linh**, khi nhân vật buông bỏ cái tôi để quay về với nghiệp duyên gia đình và chấp nhận sự gắn bó giữa mình và người khác trong mạng lưới duyên sinh.

Theo Thích Nhất Hạnh và Thích Huyền Quang (2020), duyên khởi (pratītyasamutpāda) là nền tảng để hiểu về sự hiện hữu trong đạo Phật “Không có sự vật nào có thể tự mình sinh ra mà không tùy thuộc vào các duyên khác” (tr. 35). Dưới ánh sáng đó, hành động truyền máu không đơn thuần là nghĩa vụ gia đình, mà là một sự thức tỉnh tâm linh, nơi bà Đại thừa nhận rằng sự sống của mình không tách rời khỏi dòng chảy của người khác, đặc biệt là người thân huyết thống. Trước đó, nhân vật đã cố phủ nhận nhân duyên của mình: từ chối làm mẹ, làm bà, từ chối vai trò gia đình để theo đuổi giấc mộng cá nhân. Nhưng biến cố bất ngờ của người cháu đã trở thành duyên chín mùi, khiến bà nhận ra: sự sống của mình chỉ có ý nghĩa khi gắn với trách nhiệm và tình thương.

Việc hiến máu là biểu hiện sống động của nghiệp cảm: kết quả của những lựa chọn và ràng buộc đã có từ trước, đồng thời là cơ hội để hóa giải chúng bằng từ tâm. Dưới góc nhìn Phật giáo, đây còn là bố thí vô úy (dāna), hành động từ bỏ điều quý giá (thân thể trẻ trung, danh tính mới) để cứu độ người khác mà không cầu báo đáp. Khoảnh khắc này chính là đỉnh điểm của vô ngã: nhân vật không còn hành động vì cái tôi mới được ban cho, mà hành động như một người đã buông xả mọi phân biệt, mọi chấp thủ về hình tướng. Triết lý vô ngã được nhấn mạnh qua một trích đoạn khác của Thích Nhất Hạnh và Thích Huyền Quang (2020) “Không có sự vật nào có thể giữ được tính cách đồng nhất tuyệt đối của nó” (tr. 39). Hình hài trẻ trung mà bà Đại sở hữu không phải là bản chất thật, đó chỉ là huyễn thân, một hiện tượng sinh diệt. Khi dám đánh đổi nó để cứu cháu, bà không chỉ hành thiện, mà còn tự phá bỏ sự bám chấp vào bản ngã, để trở về với “bản lai diện mục”, là một con người sống vì người khác, chứ không vì chính mình.

Câu thoại đầy xúc động: “*Nếu mẹ có thể chết lần nữa để cứu con, mẹ sẽ làm*” là một tuyên ngôn từ bi và nhập thế. Lựa chọn buồn bỏ tất cả những cám dỗ trước mắt, nhưng hành động của bà đã vượt qua danh xưng thế tục. Đó là biểu hiện của một hành giả Bồ Tát giữa đời thường: không rút lui khỏi thế gian, mà sống trọn trong đó để chuyển hóa khổ đau bằng lòng từ.

Kết luận

Em là bà nội của anh không chỉ là một sản phẩm điện ảnh tân tạo thành công về mặt thị trường, mà còn là một minh chứng đặc sắc cho khả năng tiếp biến và bản địa hóa tinh thần Phật giáo trong văn hóa đại chúng hiện đại. Qua hình tượng nhân vật bà Đại, bộ phim đã thể hiện sinh động tư tưởng nhập thế của đạo Phật, nơi con người không thoát ly khỏi đời sống, mà sống trọn vẹn trong đó để yêu thương, buông xả, chịu trách nhiệm và hóa giải khổ đau bằng lòng từ bi.

Thông qua các biểu tượng như tiệm ảnh, không gian bardo mang tính chuyển hóa, và dòng máu, một biểu tượng của duyên khởi và nghiệp cảm, bộ phim đã gợi mở những tầng nghĩa sâu sắc về mối liên hệ giữa con người và cộng đồng, giữa bản ngã và tha nhân, giữa hiện tại và quá khứ. Chính những khoảnh khắc điện ảnh ấy là cách đạo Phật đi vào cuộc sống, không giáo điều mà chân thực, không siêu hình mà đầy tính người.

Bài viết vì vậy góp phần khẳng định rằng, tinh thần nhập thế của đạo Phật với cốt lõi là từ bi, vô ngã, duyên sinh không chỉ hiện diện trong lịch sử đồng hành cùng dân tộc mà còn tiếp tục được phát huy trong các hình thái nghệ thuật mới như điện ảnh. Đây là minh chứng cho sức sống bền bỉ và năng lực thích ứng của đạo Phật Việt Nam trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, đồng thời là một kinh nghiệm quý báu để Giáo hội Phật giáo Việt Nam tiếp tục triển khai phương châm hành đạo: **Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội**.

Tác giả: **Đạo diễn, ThS. Phạm Thuận Hải Thảo**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Tài liệu tham khảo:

1] Fremantle, F., & Trungpa, C. (1975), *The Tibetan book of the dead: The great liberation through hearing in the bardo*, Shambhala Publications.

- 2] Lee, K. C. (2023), *Tham vấn tâm lý trên nền tảng Phật giáo* (Đồng Khởi & Diệu Ngọc, Trans.; Thiện Chánh & Gia Hoàng, Eds.), Nxb. Thế Giới, Hà Nội. (Liên kết Thái Hà Books)
- 3] Mactanh, M. (1986), *Ngôn ngữ điện ảnh*, Cục Điện ảnh.
- 4] Strong, J. S. (2023), *Đức Phật Thích Ca: Nghiên cứu về cuộc đời một vĩ nhân thế giới* (Nhu Hiếu, Trans.; Thích Thiện Chánh, Ed.), Nxb. Thế Giới, Hà Nội. (Liên kết Thái Hà Books)
- 5] Thích Nhất Hạnh, & Thích Huyền Quang (2020), *Đạo Phật - Áp dụng vào đời sống hằng ngày*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội.